TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:552/2018/HNGĐ-ST
Ngày:16-8-2018
V/v *Tranh chấp:"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Minh
2. Bà Trần Ngọc Bảo Châu

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**Bị đơn*: Trần Xuân L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc G trình bày: Chị và anh Trần Xuân L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/7/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh Trần Xuân L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị K, sinh ngày 15/01/2005 và Trần Thị Kiều N, sinh ngày 13/01/2009. Hai con hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Xuân L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa, Chị G thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G xin ly hôn với anh L. Về con chung: Giao chị G tiếp tục nuôi 02 con chung, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trần Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Ngọc G và anh Trần Xuân L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 20/7/2004. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Anh L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gởi tòa án, chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ với chị G, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị K, sinh ngày 15/01/2005 và Trần Thị Kiều N, sinh ngày 13/01/2009, chị G yêu cầu được nuôi 02 con. Xét con chung hiện đang sống với chị G và hai cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của con cần để chị G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc G

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Trần Xuân L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị K, sinh ngày 15/01/2005 và Trần Thị K, sinh ngày 13/01/2009 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008073 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị G đã nộp xong án phí.

Chị G được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Thị Kim Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi……giờ……phút, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà: Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm: Ông Lê Văn Minh

Bà Trần Ngọc Bảo Châu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp: " Xin ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc G

Bị đơn: Trần Xuân L

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

*****Về quan hệ tranh chấp: Xác định tranh chấp "Xin ly hôn"

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

*****Về điều luật áp dụng

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

*Về nội dung:

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc G

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc G được ly hôn với anh Trần Xuân L.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thị Kiều Oanh, sinh ngày 15/01/2005 và Trần Thị Kiều Nga, sinh ngày 13/01/2009 cho chị Giàu tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Long được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

* Về án phí: Chị Giàu phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0008073 ngày 03/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị Giàu đã nộp xong án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

* Về quyền kháng cáo: Chị Giàu được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Long được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi…..giờ…..phút, ngày 30/8/2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**